

Số: /TB-TT

Tân Hồng, ngày tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá dịch vụ Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá Hồ sơ dự thầu (E-HSDT)

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 1099/KH-TT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng về việc xác định nhu cầu Máy trang phục y tế, trang phục người bệnh và drap trải giường năm 2024 -2025;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-SYT ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm: Máy trang phục y tế, trang phục người bệnh và drap trải giường năm 2024-2025 của Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng;

Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng thông báo và kính mời các đơn vị có chức năng Tư vấn thẩm định Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và Kết quả lựa chọn nhà thầu, như sau:

1. Tổng quan về đơn vị:

- Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng.
- Địa chỉ: Đường Trần Phú, khóm 3, Thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.
- Điện thoại: 02773 830039.
- Mã số thuế: 1400562157.
- Loại hình đơn vị: Đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tổng quan về gói thầu:

Gói thầu: Máy trang phục y tế, trang phục người bệnh và drap trải giường năm 2024 -2025.

- Tên gói thầu: May trang phục y tế, trang phục người bệnh và drap trải giường năm 2024 -2025.

- Giá gói thầu: 983.940.000 đồng.

(Bằng chữ: Chín trăm tám mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng)

- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2024.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 04 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

3. Mục đích:

Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu (E-HSMT), đánh giá Hồ sơ dự thầu (E-HSDT).

4. Điều kiện cung cấp dịch vụ Tư vấn thẩm định Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và kết quả lựa chọn nhà thầu:

- Là tổ chức Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá Hồ sơ dự thầu (E-HSDT), được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá Hồ sơ dự thầu (E-HSDT) (còn hiệu lực).

- Đã từng thực hiện Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá Hồ sơ dự thầu (E-HSDT) cho ít nhất 03 đơn vị.

- Chi phí dịch vụ Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) và đánh giá Hồ sơ dự thầu (E-HSDT) phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ bao gồm:

- Thư chào giá phí dịch vụ Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu (E-HSMT), đánh giá Hồ sơ dự thầu (E-HSDT) (đã bao gồm phí, lệ phí, VAT...)

- Hồ sơ năng lực, Giấy phép kinh doanh của đơn vị và các hợp đồng tương tự.

6. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ:

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 01/11/2024 hết ngày 08/11/2024.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Hồ sơ chào giá vui lòng dán kín, niêm phong và gửi về **Phòng Tổ chức – Hành chính, Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng**, Khóm 3, Thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, Số điện thoại liên hệ: 02773.830039 hoặc 0916133656 (ông Đoàn Xuân Thành – Phó trưởng P. TCHC). Có thể gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Trong thời gian 2 ngày làm việc hết thời gian nhận hồ sơ. Những đơn vị không được thông báo kết quả cung cấp dịch vụ được hiểu là không được lựa chọn, Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng sẽ không hoàn trả hồ sơ và không thanh toán phí.

Rất mong nhận sự quan tâm của các đơn vị tư vấn./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị có chức năng tư vấn đầu thầu;
- Trang website TTYT;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Lưu Thanh Tùng

Phụ lục
DANH MỤC GÓI THẦU

(Kèm theo Thông báo số:

/TB-TTYT ngày 01/11/2024 của Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng)

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Trang phục bác sĩ, dược sĩ nam	Bộ	1. Mô tả: theo TT 45/2015/TT-BYT của Bộ y tế 2. Chất liệu: - Áo, nón: kate mỹ - Quần: kaki không thun 3. Màu sắc: - Áo: Trắng - Quần: Trắng 4. May theo size có điều chỉnh. 5. In logo bệnh viện. Chất liệu, màu sắc: Kate mỹ, trắng + Khối lượng vải (g/m ²): 124.9 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 456 ± 2 • Ngang: 369 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: $1084/S \pm 2$ • Ngang: sợi filament không có xoắn + Độ bền xé rách (N): • Dọc: 39.9 ± 2 • Ngang: 50.6 ± 2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%):	70	730.000	51.100.000

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			• Polyester: 82.3 ± 2 • Cotton: 17.7 ± 2 Chất liệu, màu sắc: Kaki không thun, trắng + Khối lượng vải (g/m^2): 282.7 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 440 ± 2 • Ngang: 286 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: $630/Z \pm 2$ • Ngang: $391/Z \pm 2$ + Độ bền xé rách (N): • Dọc: 44.6 ± 2 • Ngang: 30.5 ± 2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): • Polyester: 77.7 ± 2 • Cotton: 22.3 ± 2			
2	Trang phục bác sĩ, dược sĩ nữ	Bộ	1. Mô tả: theo TT 45/2015/TT-BYT của Bộ y tế 2. Chất liệu: - Áo, nón: kate mỹ - Quần: kaki thun 3. Màu sắc: - Áo: Trắng - Quần: Trắng 4. May theo size có điều chỉnh	119	730.000	86.870.000

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			5. In logo bệnh viện. Chất liệu, màu sắc: Kate mỹ, trắng + Khối lượng vải (g/m²): 124.9 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 456 ± 2 • Ngang: 369 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: 1084/S ± 2 • Ngang: sợi filament không có xoắn + Độ bền xé rách (N): • Dọc: 39.9 ± 2 • Ngang: 50.6 ± 2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): • Polyester: 82.3 ± 2 • Cotton: 17.7 ± 2 Chất liệu, màu sắc: Kaki thun, trắng + Khối lượng vải (g/m²): 246.7 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 454 ± 2 • Ngang: 332 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: 649/S ± 2 • Ngang: 652/S ± 2 • Ngang: 739/Z ± 2 + Độ bền xé rách (N): • Dọc: 40.9 ± 2			

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			• Ngang: 30.4 ± 2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): • Polyester: 73.5 ± 2 • Rayon: 24.0 ± 2 • Spandex: 2.5 ± 2			
3	Trang phục điều dưỡng, kỹ thuật viên, y sĩ, hộ sinh nam	Bộ	1. Mô tả: theo TT 45/2015/TT-BYT của Bộ y tế 2. Chất liệu: - Áo, nón: kate mỹ - Quần: kaki không thun 3. Màu sắc: - Áo: Trắng - Quần: Trắng 4. May theo size có điều chỉnh 5. In logo bệnh viện. Chất liệu, màu sắc: Kate mỹ, trắng + Khối lượng vải (g/m^2): 124.9 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 456 ± 2 • Ngang: 369 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: $1084/\text{S} \pm 2$ • Ngang: sợi filament không có xoắn + Độ bền xé rách (N): • Dọc: 39.9 ± 2 • Ngang: 50.6 ± 2	45	720.000	32.400.000

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): • Polyester: 82.3 ± 2 • Cotton: 17.7 ± 2 Chất liệu, màu sắc: Kaki không thun, trắng + Khối lượng vải (g/m^2): 282.7 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 440 ± 2 • Ngang: 286 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: $630/Z \pm 2$ • Ngang: $391/Z \pm 2$ + Độ bền xé rách (N): • Dọc: 44.6 ± 2 • Ngang: 30.5 ± 2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): • Polyester: 77.7 ± 2 • Cotton: 22.3 ± 2			
4	Trang phục điều dưỡng, kỹ thuật viên, y sĩ, hộ sinh nữ	Bộ	1. Mô tả: theo TT 45/2015/TT-BYT của Bộ y tế 2. Chất liệu: - Áo, nón: kate mỹ - Quần: kaki thun 3. Màu sắc: - Áo: Trắng	240	720.000	172.800.000

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			- Quần: Trắng 4. May theo size có điều chỉnh 5. In logo bệnh viện Chất liệu, màu sắc: Kate mỹ, trắng + Khối lượng vải (g/m²): 124.9 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 456 ± 2 • Ngang: 369 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: 1084/S ± 2 • Ngang: sợi filament không có xoắn + Độ bền xé rách (N): • Dọc: 39.9 ± 2 • Ngang: 50.6 ± 2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): • Polyester: 82.3 ± 2 • Cotton: 17.7 ± 2 Chất liệu, màu sắc: Kaki thun, trắng + Khối lượng vải (g/m²): 246.7 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 454 ± 2 • Ngang: 332 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: 649/S ± 2 • Ngang: 652/S ± 2 • Ngang: 739/Z ± 2			

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			+ Độ bền xé rách (N): • Dọc: 40.9 ± 2 • Ngang: 30.4 ± 2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): • Polyester: 73.5 ± 2 • Rayon: 24.0 ± 2 • Spandex: 2.5 ± 2			
5	Trang phục tài xế	Bộ	1. Mô tả: theo TT 45/2015/TT-BYT của Bộ y tế 2. Chất liệu: - Áo: kate mỹ - Quần: kaki thun 3. Màu sắc: - Áo: xanh dương nhạt/ xanh da trời - Quần: xám muối tiêu/xanh đen 4. May theo size có điều chỉnh 5. In logo bệnh viện. Chất liệu, màu sắc: Kate mỹ, xanh dương nhạt/ xanh da trời + Khối lượng vải (g/m^2): 150.1 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 520 ± 2 • Ngang: 229 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: $858/Z \pm 2$ • Ngang: $801/S \pm 2$	7	715.000	5.005.000

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			+ Độ bền xé rách (N): • Dọc: 17.9 ± 2 • Ngang: 12.6 ± 2 Chất liệu, màu sắc: Kaki thun, xám muối tiêu/ xanh đen + Khối lượng vải (g/m^2): 265.9 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 457 ± 2 • Ngang: 345 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: $1027/S \pm 2$ • Dọc: $1044/Z \pm 2$ • Ngang: $413/Z \pm 2$ + Thành phần vải (%): • Polyester: 73.6 ± 2 • Rayon: 23.9 ± 2 • Spandex: 2.5 ± 2			
6	Trang phục bảo vệ	Bộ	1. Mô tả: theo TT 45/2015/TT-BYT của Bộ y tế 2. Chất liệu: - Áo: kate mỹ - Quần: kaki thun 3. Màu sắc: - Áo: xanh dương nhạt/ xanh da trời - Quần: xám muối tiêu/ xanh đen 4. May theo size có điều chỉnh 5. In logo bệnh viện.	7	715.000	5.005.000

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			Chất liệu, màu sắc: Kate mỹ, xanh dương nhạt/ xanh da trời + Khối lượng vải (g/m²): 150.1 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 520 ± 2 • Ngang: 229 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: 858/Z ± 2 • Ngang: 801/S ± 2 + Độ bền xé rách (N): • Dọc: 17.9 ± 2 • Ngang: 12.6 ± 2 Chất liệu, màu sắc: Kaki thun, xám muối tiêu/ xanh đen + Khối lượng vải (g/m²): 265.9 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 457 ± 2 • Ngang: 345 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: 1027/S ± 2 • Dọc: 1044/Z ± 2 • Ngang: 413/Z ± 2 + Thành phần vải (%): • Polyester: 73.6 ± 2 • Rayon: 23.9 ± 2 • Spandex: 2.5 ± 2			

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
7	Trang phục hộ lý nữ	Bộ	1. Mô tả: theo TT 45/2015/TT-BYT của Bộ y tế 2. Chất liệu: kate ford 3. Màu sắc: Xanh hòa bình 4. May theo size có điều chỉnh 5. In logo bệnh viện. Chất liệu, màu sắc: Kate ford, xanh hòa bình + Khối lượng vải (g/m ²): 159.8 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 250 ± 2 • Ngang: 240 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: $867/S \pm 2$ • Ngang: $835/S \pm 2$ + Độ bền xé rách (N): • Dọc: 19.5 ± 2 • Ngang: 13.5 ± 2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): • Polyester: 67.3 ± 2 • Cotton: 32.7 ± 2 .	4	680.000	2.720.000
8	Trang phục hành chánh nam	Bộ	1. Mô tả: theo TT 45/2015/TT-BYT của Bộ y tế. 2 Chất liệu: - Áo: kate sọc - Quần: kaki thun	340	710.000	241.400.000

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			3. Màu sắc: - Áo: sọc - Quần: xám muối tiêu/ xanh đen 4. May theo size có điều chỉnh. Chất liệu, màu sắc: Kate sọc + Khối lượng vải (g/m^2): 90.3 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 456 ± 2 • Ngang: 287 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: sợi filament không có xoắn • Ngang: 725 ± 2 + Độ bền xé rách (N): • Dọc: 21.7 ± 2 • Ngang: 15.5 ± 2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): • Polyester: 91.2 ± 2 • Cotton: 8.8 ± 2 Chất liệu, màu sắc: Kaki thun, xám muối tiêu/ xanh đen + Khối lượng vải (g/m^2): 265.9 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 457 ± 2 • Ngang: 345 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: $1027/S \pm 2$			

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			• Dọc: $1044/Z \pm 2$ • Ngang: $413/Z \pm 2$ + Thành phần vải (%): • Polyester: 73.6 ± 2 • Rayon: 23.9 ± 2 • Spandex: 2.5 ± 2			
9	Trang phục hành chánh nữ	Bộ	1. Mô tả: theo TT 45/2015/TT-BYT của Bộ y tế. 2. Chất liệu: - Áo: kate sọc - Quần: kaki thun 3. Màu sắc: - Áo: sọc - Quần: xám muối tiêu/ xanh đen 4. May theo size có điều chỉnh. Chất liệu, màu sắc: Kate sọc + Khối lượng vải (g/m ²): 90.3 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 456 ± 2 • Ngang: 287 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: sợi filament không có xoắn • Ngang: 725 ± 2 + Độ bền xé rách (N): • Dọc: 21.7 ± 2 • Ngang: 15.5 ± 2	344	710.000	244.240.000

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): • Polyester: 91.2 ± 2 • Cotton: 8.8 ± 2 Chất liệu, màu sắc: Kaki thun, xám muối tiêu/ xanh đen + Khối lượng vải (g/m^2): 265.9 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 457 ± 2 • Ngang: 345 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: $1027/S \pm 2$ • Dọc: $1044/Z \pm 2$ • Ngang: $413/Z \pm 2$ + Thành phần vải (%): • Polyester: 73.6 ± 2 • Rayon: 23.9 ± 2 • Spandex: 2.5 ± 2			
10	Trang phục bệnh nhân	Bộ	1. Mô tả: Theo mẫu đơn vị 2. Chất liệu: kate ford 3. Màu sắc: Xanh ngọc 4. May theo size bệnh viện 5. In logo bệnh viện. Chất liệu, màu sắc: Kate ford, xanh ngọc + Khối lượng vải (g/m^2): 143.1 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm):	240	355.000	85.200.000

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			• Dọc: 248 ± 2 • Ngang: 252 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: $591/Z \pm 2$ • Ngang: $573/Z \pm 2$ + Độ bền xé rách (N): • Dọc: 27.5 ± 2 • Ngang: 27.7 ± 2			
11	Drap giường	Cái	1. Mô tả: theo mẫu đơn vị 2. Chất liệu: Kaki chéo 2/1 3. Màu sắc: Trắng 4. Kích thước: 1m5 x 2m5 Chất liệu, màu sắc: Kaki chéo 2/1, trắng + Khối lượng vải (g/m^2): 204.5 ± 2 + Mật độ vải (sợi/10cm): • Dọc: 412 ± 2 • Ngang: 216 ± 2 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): • Dọc: 570 ± 2 • Ngang: 591 ± 2 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): • Polyester: 85.9 ± 2 • Cotton: 14.1 ± 2	220	260.000	57.200.000
	Tổng cộng					983.940.000
	Bằng chữ: Chín trăm tám mươi ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng					

